

PHỤ LỤC 4

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẮP XẾP, SÁP NHẬP THÔN, TỔ DÂN PHỐ
(Kèm theo Phương án số 5458/PA-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng thôn/ TDP	Tổng số thôn, TDP <u>dưới tiêu chuẩn</u> so với quy định (bao gồm yếu tố đặc thù)	Số lượng thôn/tổ dân phố điều chỉnh, sắp xếp, tổ chức lại	Số lượng thôn, TDP giảm	Số lượng TDP còn lại sau sắp xếp			Số xã có tất cả các thôn đủ điều kiện không sắp xếp	Số xã, phường có từ 15 thôn, TDP trở lên
						Tổng số	Số thôn, tổ dân phố không sắp xếp	Số thôn, TDP hình thành mới sau thực hiện sắp xếp, tổ chức lại		
1	2	3	4	5=3-8	6	7=8+9	8	9=7-6	10	11
	TỔNG CỘNG	1710	700	1100	549	1161	610	551	9	26
	<i>Tỷ lệ %</i>		<i>40,94</i>	<i>64,33</i>	<i>32,11</i>	<i>67,89</i>	<i>35,67</i>	<i>78,71</i>	<i>9,38</i>	<i>4,74</i>
1	Phường Trương Quang Trọng	26	11	25	10	16	1	15		> 15
2	Phường Cẩm Thành	25	1	11	3	22	14	8		> 15
3	Phường Nghĩa Lộ	34	3	13	3	31	21	10		> 15
4	Phường Trà Câu	20	10	15	6	14	5	9		
5	Phường Đức Phổ	25	15	20	10	15	5	10		>= 15
6	Phường Sa Huỳnh	13	5	8	3	10	5	5		
7	Phường Kôn Tum	48	3	36	19	29	12	17		> 15
8	Phường Đăk Cẩm	24	8	18	9	15	6	9		> 15
9	Phường Đăk Bla	17	2	15	5	12	2	10		
10	Xã Tịnh Khê	18	0	4	2	16	14	2		> 15
11	Xã An Phú	31	4	27	14	17	4	13		> 15
12	Xã Nguyễn Nghiêm	11	0	5	2	9	6	3		
13	Xã Khánh Cường	14	3	8	4	10	6	4		
14	Xã Bình Minh	15	5	6	4	11	9	2		
15	Xã Bình Chương	7	0	0	0	7	7	0	Không sắp xếp	
16	Xã Bình Sơn	40	0	27	12	28	13	15		> 15

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng thôn/ TDP	Tổng số thôn, TDP <u>dưới tiêu chuẩn</u> so với quy định (bao gồm yếu tố đặc thù)	Số lượng thôn/tổ dân phố điều chỉnh, sắp xếp, tổ chức lại	Số lượng thôn, TDP giảm	Số lượng TDP còn lại sau sắp xếp			Số xã có tất cả các thôn đủ điều kiện không sắp xếp	Số xã, phường có từ 15 thôn, TDP trở lên
						Tổng số	Số thôn, tổ dân phố không sắp xếp	Số thôn, TDP hình thành mới sau thực hiện sắp xếp, tổ chức lại		
17	Xã Vạn Tường	30	0	25	15	15	5	10		>= 15
18	Xã Đông Sơn	33	8	17	10	23	16	7		> 15
19	Xã Trường Giang	16	9	13	6	10	3	7		
20	Xã Ba Gia	12	4	6	3	9	6	3		
21	Xã Sơn Tịnh	19	3	6	3	16	13	3		> 15
22	Xã Thọ Phong	11	1	2	1	10	9	1		
23	Xã Tư Nghĩa	25	0	19	2	23	6	17		> 15
24	Xã Vệ Giang	18	1	2	1	17	16	1		> 15
25	Xã Nghĩa Giang	18	0	0	0	18	18	0	Không sắp xếp	> 15
26	Xã Trà Giang	18	7	15	8	10	3	7		
27	Xã Nghĩa Hành	15	0	8	3	12	7	5		
28	Xã Đình Cường	21	6	17	9	12	4	8		
29	Xã Thiện Tín	20	17	18	10	10	2	8		
30	Xã Phước Giang	18	8	15	8	10	3	7		
31	Xã Long Phụng	23	6	21	12	11	2	9		
32	Xã Mô Cày	14	0	6	3	11	8	3		
33	Xã Mộ Đức	22	7	18	10	12	4	8		
34	Xã Lân Phong	9	0	0	0	9	9	0	Không sắp xếp	
35	Xã Trà Bồng	20	10	14	7	13	6	7		
36	Xã Đông Trà Bồng	11	3	5	3	8	6	2		
37	Xã Tây Trà	14	8	7	3	11	7	4		
38	Xã Cà Đam	8	7	5	2	6	3	3		
39	Xã Thanh Bồng	12	11	10	5	7	2	5		
40	Xã Tây Trà Bồng	14	11	13	7	7	1	6		
41	Xã Sơn Hạ	19	3	6	3	16	13	3		> 15
42	Xã Sơn Linh	18	4	10	5	13	8	5		
43	Xã Sơn Hà	20	8	9	2	18	11	7		> 15
44	Xã Sơn Thủy	16	9	11	6	10	5	5		
45	Xã Sơn Kỳ	16	10	12	6	10	4	6		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng thôn/ TDP	Tổng số thôn, TDP <u>dưới tiêu chuẩn</u> so với quy định (bao gồm yếu tố đặc thù)	Số lượng thôn/tổ dân phố điều chỉnh, sắp xếp, tổ chức lại	Số lượng thôn, TDP giảm	Số lượng TDP còn lại sau sắp xếp			Số xã có tất cả các thôn đủ điều kiện không sắp xếp	Số xã, phường có từ 15 thôn, TDP trở lên
						Tổng số	Số thôn, tổ dân phố không sắp xếp	Số thôn, TDP hình thành mới sau thực hiện sắp xếp, tổ chức lại		
46	Xã Sơn Tây	13	7	9	4	9	4	5		
47	Xã Sơn Tây Thượng	10	8	4	1	9	6	3		
48	Xã Sơn Tây Hạ	12	11	7	4	8	5	3		
49	Xã Minh Long	16	13	14	6	10	2	8		
50	Xã Sơn Mai	15	11	13	7	8	2	6		
51	Xã Ba Vì	14	7	7	4	10	7	3		
52	Xã Ba Tò	14	10	14	9	5	0	5		
53	Xã Ba Đình	10	5	4	2	8	6	2		
54	Xã Ba Tơ	17	11	14	7	10	3	7		
55	Xã Ba Vinh	13	13	13	7	6	0	6		
56	Xã Ba Động	10	6	10	5	5	0	5		
57	Xã Đặng Thùy Trâm	8	7	5	2	6	3	3		
58	Xã Ba Xa	7	4	3	1	6	4	2		
59	Đặc khu Lý Sơn	6	0	0	0	6	6	0	Không sắp xếp	
60	Xã Ngọc Bay	16	2	3	1	15	13	2		>= 15
61	Xã Ia Chim	21	8	16	9	12	5	7		
62	Xã Đăk Rơ Wa	28	16	19	10	18	9	9		> 15
63	Xã Đăk Pxi	10	5	0	0	10	10	0	Không sắp xếp	
64	Xã Đăk Mar	16	6	13	4	12	3	9		
65	Xã Đăk Ui	15	10	15	8	7	0	7		
66	Xã Ngọc Réo	14	8	9	5	9	5	4		
67	Xã Đăk Hà	29	9	26	13	16	3	13		> 15
68	Xã Ngọc Tụ	11	9	10	4	7	1	6		
69	Xã Đăk Tô	31	7	17	9	22	14	8		> 15
70	Xã Kon Đào	19	16	16	9	10	3	7		
71	Xã Đăk Sao	22	22	22	16	6	0	6		
72	Xã Đăk Tờ Kan	16	15	16	11	5	0	5		
73	Xã Tu Mơ Rông	17	15	15	8	9	2	7		
74	Xã Măng Ri	31	31	14	6	25	17	8		> 15

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng thôn/ TDP	Tổng số thôn, TDP <u>dưới tiêu chuẩn</u> so với quy định (bao gồm yếu tố đặc thù)	Số lượng thôn/tổ dân phố điều chỉnh, sắp xếp, tổ chức lại	Số lượng thôn, TDP giảm	Số lượng TDP còn lại sau sắp xếp			Số xã có tất cả các thôn đủ điều kiện không sắp xếp	Số xã, phường có từ 15 thôn, TDP trở lên
						Tổng số	Số thôn, tổ dân phố không sắp xếp	Số thôn, TDP hình thành mới sau thực hiện sắp xếp, tổ chức lại		
75	Xã Bờ Y	30	0	23	11	19	7	12		> 15
76	Xã Sa Loong	14	0	6	3	11	8	3		
77	Xã Dục Nông	24	2	21	11	13	3	10		
78	Xã Xốp	11	8	9	5	6	2	4		
79	Xã Ngọc Linh	22	22	14	8	14	8	6		
80	Xã Đăk Plô	13	0	2	1	12	11	1		
81	Xã Đăk Pék	20	9	11	6	14	9	5		
82	Xã Đăk Môn	18	14	16	9	9	2	7		
83	Xã Sa Thây	17	5	12	7	10	5	5		
84	Xã Sa Bình	17	5	13	7	10	4	6		
85	Xã Ya Ly	14	6	9	5	9	5	4		
86	Xã Ia Tơi	10	0	0	0	10	10	0	Không sắp xếp	
87	Xã Đăk Kôi	17	17	16	8	9	1	8		
88	Xã Kon Braih	21	13	19	9	12	2	10		
89	Xã Đăk Rve	11	5	4	2	9	7	2		
90	Xã Măng Đen	25	21	15	8	17	10	7		> 15
91	Xã Măng Bút	26	25	20	11	15	6	9		>= 15
92	Xã Kon Plông	25	25	6	3	22	19	3		> 15
93	Xã Đăk Long	9	0	0	0	9	9	0	Không sắp xếp	
94	Xã Rờ Koi	6	0	0	0	6	6	0	Không sắp xếp	
95	Xã Mô Rai	10	0	8	4	6	2	4		
96	Xã Ia Đal	11	0	0	0	11	11	0	Không sắp xếp	